TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 549/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Bé T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã S, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2025, cùng các văn bản kèm theo chị Phạm Bé T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Bé T và anh Nguyễn Chí T1 thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) ngày 10/12/2007. Sau thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng

cũng đã ly thân, cả hai đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị không còn tình cảm dành cho anh Nguyễn Chí T1 và không thể tiếp tục sống cùng anh Nguyễn Chí T1. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Chí T1.

Về con chung có hai người con chung tên Nguyễn Khải M (giới tính nam), sinh ngày 06/11/2008 và Nguyễn Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 19/3/2015. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Chí T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Bé T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh A, không ai cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc không thể tham gia phiên tòa, chị Phạm Bé T xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Anh Nguyễn Chí T1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Chí T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai, nhưng anh Nguyễn Chí T1 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Chị Phạm Bé T xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Bé T và anh Nguyễn Chí T1 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi. Chị Phạm Bé T xác định không còn tình cảm dành cho anh T1 nên chị Phạm Bé T cương quyết ly hôn. Cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Phạm Bé T và anh Nguyễn Chí T1 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa chị Phạm Bé T và anh Nguyễn Chí T1 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Đối với

yêu cầu của chị Phạm Bé T, anh Nguyễn Chí T1 không có ý kiến gì, anh T1 cũng không tham hòa giải thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét cho chị Phạm Bé T ly hôn với anh Nguyễn Chí T1 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Khải M (giới tính nam), sinh ngày 06/11/2008 và Nguyễn Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 19/3/2015. Hiện hai người con chung đang do chị T và ông T1 nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Chí T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Bé T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh A, không ai cấp phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu Nguyễn Quỳnh A có nguyện vọng sống cùng với chị T và cháu Nguyễn Khải M có nguyện vọng sống cùng với anh T1. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Chí T1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con và giao con của chị T. Xét thấy, để không làm xáo trộn đời sống của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Bé T giao cháu Nguyễn Minh K cho anh Nguyễn Chí T1 nuôi dưỡng và giao Nguyễn Quỳnh A cho chị Phạm Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Bé T không yêu cầu anh Nguyễn Chí T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Bé T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Bé T ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Khải M (giới tính nam), sinh ngày 06/11/2008 cho anh Nguyễn Chí T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn

Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 19/3/2015 cho chị Phạm Bé T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Chí T1 và chị Phạm Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Bé T phải chịu 300.000 đồng. Chị Phạm Bé T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006642 ngày 18/12/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Chị Phạm Bé T và anh Nguyễn Chí T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau
(khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng